

Chương 1. SỰ XUẤT HIỆN CỦA MỸ HỌC KIẾN TRÚC

1. Bước tiến của lịch sử:

Quan điểm sử học: thực dụng có trước thẩm mỹ.

Nhân loại từ hang động chuyển lên mặt đất cư trú: đây là bước ngoặt có tính chất lịch sử.

Vd: Từ hang đá, đến túp lều → xuất hiện tình cảm vui sướng. Đây là manh nha của mỹ cảm kiến trúc

Đây còn là cái mốc đánh dấu vấn đề nhận thức, giải quyết vấn đề cư trú.

William Note (trích dẫn)

Plekhanov: Lao động có trước thẩm mỹ.

Từ quan điểm tiện lợi, hiệu quả để quan sát sự vật hiện tượng.

Sau này mới tiến lên quan điểm thẩm mỹ để đánh giá.

Vương Triều Văn:

“Việc sản sinh vật chất và tinh thần của nhân loại thời kỳ đầu đan dệt làm một...”

Như vậy: Kiến trúc vừa là sản phẩm vật chất vừa là sản phẩm tinh thần.

2. An cư và lạc nghiệp:

Sự ra đời của kiến trúc từ xưa đến nay: không tách rời cơ sở kỹ thuật.

Cung A Phòng 300 dặm.

Yêu cầu bình an- che chắn- đẹp

Yêu cầu thực dụng: nguyên phát tính

Yêu cầu đẹp: kế phát tính

2. An cư và lạc nghiệp:

Tuy nhiên giá trị tinh thần kiến trúc có sức sống riêng: Vạn Lý Trường Thành, Parthenon- Ở đây công năng mang tính tạm thời cái đẹp là trường cửu.

Trình độ kỹ thuật vật chất → Cầu thành nền tảng cho cái đẹp. Tuy nhiên đây là điều kiện trọng yếu nhưng không phải là duy nhất.

3. Vật tế lễ, thờ phụng:

“Kiến trúc đầu tiên là nơi che chở cho tinh thần, sau đó mới che chở thân mình”.
Noberg Schultz

Vật tế: mong mỗi tìm tòi dấu vết của tổ tiên để cầu mong được che chở.

- Vật tế gắn liền kiến trúc: hội họa trên vách tường đá.
- Kiến trúc đá: Stonehenge, Tượng trên đảo phục sinh → là nơi che chở cho tinh thần.

3. Vật tế lễ, thờ phụng:

Tiến hóa của lịch sử: Sùng bái tôn giáo của vật tế càng giảm.

Thi thẩm mỹ của vật tế càng tăng.

Xây dựng cung điện, biểu đạt và phô trương quyền lực thể hiện quyền lực qua các phong cách khác nhau.

Từ sùng bái đến tính cao thượng rồi biến thành một cách điệu mỹ học.

Vẻ đẹp cao thượng.

Vd: Kiến trúc Gothic, kiến trúc hiện đại- Arch ở Saint Louis cao 192 m

Chương 2. Ý NGHĨA CỦA MỸ HỌC KIẾN TRÚC

1. Nghĩa hẹp và nghĩa rộng:

Nghĩa hẹp của cái đẹp kiến trúc:

- Đẹp đơn thể, đẹp về tạo hình và trang trí.

Nghĩa rộng:

- Đẹp tổng thể, nghiên cứu kiến trúc trong bối cảnh riêng biệt rộng lớn, hướng về một môi trường hoàn chỉnh.

1. Nghĩa hẹp và nghĩa rộng:

Vitruvius (45): Chủ yếu nói về đẹp tạo hình kiến trúc. Ông đưa ra quan điểm: thích dụng, bền vững, mỹ quan.

- Kiến trúc đẹp, theo cái đẹp của cơ thể con người. Đó gọi là Nhân thể mỹ.
- Bao gồm cả sự hài hòa giữa bộ phận và tổng thể.

1. Nghĩa hẹp và nghĩa rộng:

Kiến trúc hiện đại, có những tác phẩm kiến trúc riêng lẻ xuất sắc, nhưng tổng thể (tức là không gian đô thị) rất kém (51).

Các công trình kiến trúc của Le Corbusier rất tốt, nhưng môi trường quy hoạch lại thiếu tình người.

“Kiến trúc hoành tráng, đô thị lạnh tanh”

2. Ba loại giải thích

a/ Thuyết Ích- Mỹ (đẹp có lợi ích, có hiệu quả):

Hữu dụng là đẹp, thực dụng là đẹp →
Đồ vật đẹp là vì chúng hữu dụng.

Thực dụng xuất hiện dưới điều kiện
đất đai, khí hậu và xã hội.

Chủ nghĩa công năng là biểu hiện rõ
nhất của tư tưởng Ích-Mỹ

2. Ba loại giải thích

(i) So sánh với sinh vật:

Theo đuổi vẻ đẹp kiến trúc dựa trên những tương đồng với cơ thể sinh vật: vd đối xứng.

Sullivan: Hình thức theo đuổi công năng.

Wright: Kiến trúc hữu cơ.

- Kiến trúc phục vụ tự nhiên

2. Ba loại giải thích

(i) So sánh với sinh vật:

- Kiến trúc cần giống với sinh vật: từ công năng nội bộ mà sinh trưởng. Các bộ phận tạo hình ăn khớp nhau.
- Kiến trúc phát triển trong thiên nhiên. Kiến trúc là nét chấm phá của thiên nhiên (58).

2. Ba loại giải thích

(ii) Đẹp so sánh với máy móc:

Phản đối trang trí giả tạo của chủ nghĩa cổ điển, đề cao vẻ đẹp cơ khí, ngắn gọn và trong sáng.

- Phê bình: một cỗ máy chỉ có thuộc tính, còn Parthenon lại có thuộc tính và phong cách.

2. Ba loại giải thích

b/ Thuyết vui sướng:

Hegels cho rằng, cái đẹp chỉ có thể tìm thấy trong hình tượng.

Nhấn mạnh các quan hệ tỷ lệ, đặc biệt là các tỷ lệ hình học.

Các nguyên lý hình học vuông, tam giác, h.c.n căn 5, tỷ lệ vàng...

2. Ba loại giải thích

Tỷ lệ hài hòa → sinh ra mỹ cảm kiến trúc.

c/ Thuyết biểu hiện:

Thông qua hình thức kiến trúc để thể hiện ý nghĩa, quan niệm nào đó, thể hiện tình cảm con người, thể hiện môi trường thiên nhiên nhất định v.v...

2. Ba loại giải thích

Thông qua hình thức không gian KT
để nói “tình” nhằm đạt “ý”

Vd: Xu hướng hậu hiện đại phương
Tây

Xu hướng biểu hiện chủ nghĩa, hoặc
chủ nghĩa kết cấu Nga.

3. Giải thích về mỹ học kiến trúc:

a/ Thuyết công năng mới:

Nhấn mạnh tính hợp lý của kỹ thuật và thích dụng.

Các điều kiện kinh tế, công năng, kỹ thuật nghiêm ngặt → Theo các nguyên tắc đẹp hình thức.

3. Giải thích về mỹ học kiến trúc:

b/ Thuyết thuyết lưỡng tầng:

Có hai cấp độ:

- Đẹp hình thức: tỷ lệ hài hòa, cân bằng, đối xứng v.v...
- Đẹp nghệ thuật: tính tư tưởng, tính nghệ thuật.

Kiến trúc chính: KT thiên về sinh hoạt tinh thần vd RCB, thư viện, bảo tàng...

KT phụ: KT mang tính công năng đơn thuần.

3. Giải thích về mỹ học kiến trúc:

c/ Thuyết hệ thống:

Khảo sát, phân loại A, B và BA

Ktrúc loại A tuân theo mỹ học hình thức

Ktrúc loại BA tuân theo cả mỹ học hình thức và nghệ thuật.

Ktrúc loại B tuân theo mỹ học nghệ thuật

Cái đẹp trong kiến trúc là tương đối mở rộng, giàu biến động.

3. Giải thích về mỹ học kiến trúc:

Kiến trúc đẹp:

Nhân- căn cứ nguồn gốc kiến trúc

Hình- Hình thức thẩm mỹ, hình thức nghệ thuật.

Ý - Sinh động, hàm súc.

Cảnh- môi trường thiên nhiên, xã hội.

Cảm- chủ thể thẩm mỹ, khách thể thẩm mỹ.

Chương 3. ĐẶC TÍNH CỦA MỸ HỌC KIẾN TRÚC

1. Nương tựa và thuần túy:
2. Trừu tượng và tượng trưng:
3. Sự khác biệt và tương đồng:

1. Nương tựa và thuần túy:

- Kiến trúc là pho sử bằng đá
- Kiến trúc là bài thơ bằng bê tông.

Minh chứng lịch sử lưu lại trong các chi tiết và phế tích.

August Comte:

- Đẹp thuần túy
 - Đẹp ý tồn
-

1. Nương tựa và thuần túy:

August Comte:

- Đẹp thuần túy: thông qua hình thức vốn có của đối tượng làm cho người ta xúc cảm, vui.
 - Đẹp ý tồn: nhắm tới một ý nghĩa, một nội dung. Tức là cái đẹp tạo ra một cái có điều kiện.
 - Đẹp kiến trúc là đẹp ý tồn.
-

1. Nương tựa và thuần túy:

Đẹp KT bị ràng buộc bởi các quy luật máy móc, nhưng lại phải tuân theo các quy luật thẩm mỹ, tức là chỉ sự chi phối của đẹp thuần túy.

Hegels: “nương tựa+ thuần túy thống nhất thành một tạo nên vẻ đẹp mới của KT hiện đại”

Vd: Nhà thờ Ronchamp, nguyên tác 5 điểm của Le Corbusier.

- Tính nương tựa (phụ thuộc)
 - Tính thuần túy.
-

1. Nương tựa và thuần túy:

Le Corbusier (81): Mỹ học của công trình sư và nghệ thuật kiến trúc.

Nervi (83): "hiện tượng kiến trúc có 2 ý nghĩa"

- Phục tùng kết cấu: yêu cầu khách quan
 - Sinh ra mỹ học tình cảm: tính chất chủ quan.
-

1. Nương tựa và thuần túy:

Đặc tính của vẻ đẹp kiến trúc: sự thống nhất của vật chất và tinh thần, kỹ thuật và nghệ thuật.

“Đống vật chất không sức sống” qua xử lý, kết hợp của kỹ thuật nghệ thuật, sẽ hóa thành hình thức và trật tự không gian.

2. Trừu tượng và tượng trưng:

- Đối lập trừu tượng và cụ thể.
 - Trừu tượng trong nghệ thuật là sự thể hiện đối tượng khác với hình dáng của nó.
 - Trừu tượng khi có mối liên quan (trực tiếp hoặc gián tiếp) phát sinh ý nghĩa với nguyên hình sẽ biến thành tượng trưng.
 - Vd: Đem cụ thể áp đặt kiến trúc.
-

2. Trừu tượng và tượng trưng:

- Điểm mạnh của kiến trúc so với các nghệ thuật khác: giải quyết mâu thuẫn giữa trọng lực và tính chịu lực của kết cấu.
 - Thông qua không gian, hình dáng công trình, tổ hợp kết cấu đạt được hiệu quả cân bằng đối xứng, tỷ lệ v.v... Từ đó sinh ra cái đẹp.
-

2. Trừu tượng và tượng trưng:

Hai loại giải thích:

- Thuyết ám thị của Hegels
- Thuyết hình thức của Warlynge

Thuyết ám thị của Hegels:

Dựa vào ý nghĩa bên trong mà có cái đẹp bề ngoài (hình thức).

Vd: Tháp Babel “tinh thần tập thể”

Thể hiện số 9: trường cửu, lâu dài như trời đất, Điện Thái Hòa

2. Trừu tượng và tượng trưng:

- Hoặc trời tròn đất vuông
- Màu sắc chỉ tôn ty trật tự: Hoàng cung dùng ngói vàng, Vương phủ dùng ngói xanh, nhà dân gian dùng ngói đất nung.

Thuyết hình thức của Warlynge

Ý chí trừu tượng: Chỉ có gì trừu tượng mới qua được hình mẫu cụ thể trong đời sống thực, vượt qua được không gian chật chội → mọi người cùng nhận biết và cảm thụ...

2. Trừu tượng và tượng trưng:

Chỉ trong nghệ thuật kiến trúc: ý chí nghệ thuật nói trên (ý chí trừu tượng) mới có tự do nhất để thể hiện...

Vd: Túp lều của người nguyên thủy: tạo ra cảm giác che chở → thể hiện ý chí trừu tượng.

Kim tự tháp: biểu đạt đặc trưng trong lực của kết cấu, vật liệu- là một phù hiệu về tinh thần.

2. Trừu tượng và tượng trưng:

Trừu tượng của kiến trúc thông qua ngôn ngữ của khối tích và trọng lượng:

- Khối tích nhỏ: cảm giác thân thiết.
Khối tích lớn: hùng tráng, khối tích cao: thần thánh, khối tích đơn nhất; thuần khiết. Khối tích phức tạp: cảm giác phong phú.
-

2. Trừu tượng và tượng trưng:

Trừu tượng của kiến trúc thông qua ngôn ngữ của đường nét:

- Đường ngang bằng: cảm giác bình dị, khoan khoái. Đường thẳng đứng: cảm giác siêu việt. Đường cong, di động: cảm giác không ổn định.

Hoặc thông qua vẻ đẹp của màu sắc:

- Đỏ: thân mật, thắm thiết. Xanh da trời: trầm tĩnh. Màu vàng: phú quý. Vật liệu gỗ: cảm giác ấm áp. Vật liệu đá: thô nặng. Thủy tinh: hư ảo. K/c thép: hiện đại
-

2. Trừu tượng và tượng trưng:

Nhấn mạnh tính trừu tượng cũng không phải là phủ định ẩn ý ma nó bao hàm cả ẩn ý.

Ẩn ý là ý tứ hàm chứa: ý nghĩa, tư tưởng, tình cảm, tinh thần...

Tính trừu tượng không quyết định ở chỗ cần phải vứt bỏ ẩn ý bên trong mà quyết định ở chỗ phải thể hiện thế nào loại ý tứ ẩn chứa đó.

Mô phỏng: giống như khi bắt chước người. Khi đọc sách, nhìn tranh. Hành vi của khi giống người nhưng không có một tí ý nghĩa nào.

2. Trừu tượng và tượng trưng:

Có thể thừa nhận khi xem sách, nhưng khi là khi chứ không phải là người.

KT không chỉ là vật thực mà còn là phù hiệu

- + Tính tượng trưng của phù hiệu: tính trừu tượng kỹ thuật (do không thể thoát khỏi trọng lực, không thoát khỏi các nguyên tắc kết cấu).
 - + Tính tượng trưng của phù hiệu còn thể hiện ở tính hàm súc của vẻ đẹp tượng trưng, tính kín đáo, không lộ liễu, ý vị sâu xa, tính chất biểu đạt đa tầng.
-

3. Sự khác biệt và tương đồng của kiến trúc:

- Tính đa dạng và khác biệt của vẻ đẹp kiến trúc
- Tính thống nhất hài hòa, nhịp nhàng cân đối.

Tính dị đồng (khác biệt và giống nhau) thể hiện ở:

- Tính thân hòa (tác động lẫn nhau khi hai thành phần kết hợp làm một)
 - Tính thân thời (gắn gũi kề cận với thời đại)
-

3. Sự khác biệt và tương đồng của kiến trúc:

- Tính khoa thời (vượt trước thời đại)
- Tính lịch thời (trải qua, tồn tại với thời đại)

Đẹp vì vừa thân thời vừa khoa thời

Vd: Thiên Đàn và kiểu Thiên Đàn.

Mỗi loại kiến trúc đề thuộc về thời đại của mình:

3. Sự khác biệt và tương đồng của kiến trúc:

- Kiểu Ai Cập thuộc thời đại của kính sợ
 - Kiểu Hy Lạp thuộc thời đại tốt đẹp, truyền thuyết.
 - Kiểu La Mã thuộc thời đại của vũ lực và hào hoa
 - Kiểu đạo Cơ Đốc thuộc thời đại khao khát và ngưỡng mộ
-

3. Sự khác biệt và tương đồng của kiến trúc:

Nếu không phù hợp thời đại thì giả cổ cũng giống như đội mũ đi hia.

Tính thời đại của kiến trúc → Mỹ học ra đời. Quảng Trường Saint Marco ở Venice.

Vd: ảnh chụp ba ông cha cháu

Cá tính là sinh mệnh của kiến trúc.

Chương 4. SỰ PHÁT TRIỂN CỦA MỸ HỌC KIẾN TRÚC

1. Từ mỹ học cổ điển đến mỹ học kỹ thuật
 2. Ngã tư đường
 3. Dao động của mỹ học
-

Chương 4. SỰ PHÁT TRIỂN CỦA MỸ HỌC KIẾN TRÚC

1. Từ mỹ học cổ điển đến mỹ học kỹ thuật
Mỹ học cổ điển: Mh của kiến trúc cổ điển Hy Lạp- La Mã.

Nghĩa rộng: thực tiễn và học thuyết các loại nghệ thuật kiến trúc đã tồn tại trong lịch sử.

VD: thức cột Hy Lạp, vòm cuốn La Mã, tỷ lệ và tạo hình của kiến trúc cổ điển đã phát triển đến mức độ hoàn mỹ.

Chương 4. SỰ PHÁT TRIỂN CỦA MỸ HỌC KIẾN TRÚC

1. Từ mỹ học cổ điển đến mỹ học kỹ thuật

Đẹp cổ điển là đẹp đến mức không thể thêm bớt gì mà không phá hoại kiến trúc.

Công nghiệp hóa: sx công nghiệp thay thế sx thủ công.

Sử dụng vật liệu mới, kỹ thuật mới và kết cấu mới.

1. Từ mỹ học cổ điển đến mỹ học kỹ thuật

1851 tại London xây dựng Nhà Triển
Lãm Hội Chợ thế giới. $S=256\ 000\ m^2$
yêu cầu xd trong vòng 9 tháng

Louis Parkson thiết kế “Cung Thủy Tinh”.
Tuyên bố một tư duy mới, vai trò của kỹ
thuật mới.

KT hiện đại vẫn gặp những chống đối
ngay cả ở những người cấp tiến nhất

1. Từ mỹ học cổ điển đến mỹ học kỹ thuật

Maurice phản đối cách làm giả tạo “Dùng mơ mộng của người Hy Lạp và người Ý để bằng bó xiết chặt mình trong kt cổ điển cận đại”

Ông cổ xúy tính chân thực của kt

Mặt khác lại tuyên truyền cổ vũ cho trang trí.

Ông cho rằng “trang trí là bộ phận tổ thành chủ yếu của nghệ thuật kt” Ông lại có thái độ cực đoan, hằn học đối với nền sản xuất cơ khí.

1. Từ mỹ học cổ điển đến mỹ học kỹ thuật

Mỹ học kỹ thuật là mh của máy móc:
đứng trên quan điểm thẩm mỹ để giải
đáp kỹ thuật kt, đặc biệt kthuật kt
của thời đại máy móc → dùng KHKT
để giải đáp các vấn đề của mỹ học.

“Các đường nét của lực và các đường
nét của vẻ đẹp hòa nhập vào một thể
thống nhất”

1. Từ mỹ học cổ điển đến mỹ học kỹ thuật

a. Sự kết hợp của vẻ đẹp kt mới với công năng mới
Le: phần bên ngoài là phản ánh tất nhiên của phần bên trong.

Mô thức “từ trong ra ngoài”

Vd: kt của trường Bauhaus tại Dessau.

Nhà thờ, nhà ăn, hội trường, nhà ở và xưởng thực tập dựa theo yêu cầu công năng tự do. Vứt bỏ việc tìm kiếm đối xứng.

Là sự kết hợp của công năng mới và hình thức mới.

“Tuân theo công năng để tiến hành thiết kế” là nguyên tắc phổ biến của ngôn ngữ hiện đại kt.

1. Từ mỹ học cổ điển đến mỹ học kỹ thuật

b. Sự kết hợp của vẻ đẹp kt và kthuật mới

Kthuật mới: phương cách xd mới (vật liệu mới, kc mới, thiết bị mới)

Kthuật là phương tiện vật chất của kiến trúc mới. Nó còn là phương tiện tinh thần.

Vd: sử dụng kính, khung thép

1. Từ mỹ học cổ điển đến mỹ học kỹ thuật

c. Sự kết hợp của vẻ đẹp kt mới và thành thị mới

Kt hiện đại : mâu thuẫn giữa tiêu chuẩn hóa và đa dạng hóa.

Nhà ở kiểu trại lính, một mặt cắt, một lối thoát→ làm cho bộ mặt môi trường thành thị hiện đại bị tổn thương

1. Từ mỹ học cổ điển đến mỹ học kỹ thuật

d. Sự kết hợp của vẻ đẹp kt mới với điêu khắc và nghệ thuật hội họa:

Gropius “mục đích cuối cùng của chúng ta chính là hình thành một loại tác phẩm nghệ thuật tổng hợp không thể chia tách được. Trong các công trình lớn, đường phân cách có từ trước giữa các nhân tố mang tính kỷ niệm và nhân tố mang tính trang trí cũng không còn tồn tại nữa”

1. Từ mỹ học cổ điển đến mỹ học kỹ thuật

d. Sự kết hợp của vẻ đẹp kt mới với điêu khắc và nghệ thuật hội họa:

Bauhaus: lợi dụng hình dáng, đường nét và màu sắc của bản thân công trình để “nghệ thuật kt biến thành một loại điêu khắc đắp nặn trừu tượng ở mức độ cao”

1. Từ mỹ học cổ điển đến mỹ học kỹ thuật

Từ mh cổ điển → mh kỹ thuật

Là sản phẩm hợp với quy luật tất yếu của trình độ tri thức, điều kiện xã hội và kỹ thuật và

2. Ngã tư đường

Từ những năm 60 của thế kỷ XX phê phán tư tưởng mỹ học kthuật là “đơn điệu”, “lạnh nhạt”, “thiếu tình”, kt hiện đại chủ trương cắt bỏ lịch sử.

2. Ngã tư đường

a. Thuyết công năng phiên diện:

Thủ tiêu hình thức nghệ thuật kt. Mies Van der Rohe: “Chúng ta không thừa nhận có vấn đề hình thức đơn thuần, chúng ta chỉ thừa nhận có vấn đề toàn bộ công trình”

Bị phê phán: không phải “hình thức theo đuổi công năng” mà là “hình thức theo đuổi thẩm bại”

2. Ngã tư đường

b. Thuyết Hình thức đơn nhất:

Sự xơ cứng của hình thức nghệ thuật kt đến mức cái nào cũng giống nhau, kiểu cách đơn điệu, nhàm chán, phi cá tính.

2. Ngã tư đường

c. Thuyết Thiếu tình lạnh tanh:

Quy hoạch thiết kế quá đơn điệu, thiếu những nơi để sinh hoạt tình cảm, gặp gỡ nghỉ ngơi.

Những thành phố như Brasilia, Chandigarh mang đến cảm giác buồn tẻ lạnh lẽo.

2. Ngã tư đường

d. Thuyết Kỹ thuật máy móc:

Vật liệu và kỹ thuật đối với việc sáng tạo nghệ thuật kt chỉ là phương tiện không phải là mục đích.

“Tất cả vì con người không phải vì vật chất” (John Pauterman).

2. Ngã tư đường

e. Thuyết Lịch sử không thể cùng tồn tại

Các kts thuộc trường phái hiện đại cự tuyệt ngay cả tính kế thừa bất kỳ hình thức nào của hình thức nghệ thuật kt truyền thống.

Vd: bài xích trang trí “dư thừa”. Muốn trang trí chỉ cần kết hợp công năng, vật liệu và kết cấu.

CHƯƠNG 5. NGUYÊN TẮC CỦA MỸ HỌC KIẾN TRÚC

1. Phép đối xứng bổ sung lẫn nhau
 2. Hữu pháp- Vô pháp
 3. Chỗ ở hợp lý hợp tình
-

CHƯƠNG 5. NGUYÊN TẮC CỦA MỸ HỌC KIẾN TRÚC

1. Phép đối xứng bổ sung lẫn nhau

Hai cách miêu tả vẽ đẹp kt

- Trật tự, nhịp nhàng, thống nhất, đơn giản v.v...
- Biến hóa, tỷ lệ, đa dạng, phong phú v.v...

Cả hai cách đều bổ khuyết cho nhau, tạo ra tổ khúc hài hòa cho vẽ đẹp kt-

Đối ngẫu hỗ trợ (cùng hỗ trợ, bổ khuyết cho nhau).

CHƯƠNG 5. NGUYÊN TẮC CỦA MỸ HỌC KIẾN TRÚC

1. Phép đối xứng bổ sung lẫn nhau

Đối ngẫu hỗ bổ:

- Đối ngẫu: là đối xứng, đối lập, đối ứng
- Hỗ bổ: bổ sung, bù đắp, cân bằng của hai bên.

Vd: “Ve kêu rừng càng lặng, chim hót núi càng sâu”

Kêu và lặng, hót và sâu.

CHƯƠNG 5. NGUYÊN TẮC CỦA MỸ HỌC KIẾN TRÚC

1. Phép đối xứng bổ sung lẫn nhau

Nếu chỉ có biến hóa mà không có trật tự thì sẽ mắc vào “phân tán”. Nếu chỉ có biến hóa mà không có trật tự thì sẽ mắc vào “phân tán”

Đẹp không thể cấu thành chỉ từ các thành phần giống nhau. Đẹp quyết định ở tính đa dạng của tổng thể.

CHƯƠNG 5. NGUYÊN TẮC CỦA MỸ HỌC KIẾN TRÚC

1. Phép đối xứng bổ sung lẫn nhau

Sự thống nhất đa dạng là một nguyên tắc căn bản của của vẻ đẹp hình thức kt.

Phản ánh quy luật về sự thống nhất giữa các mặt đối lập của triết học trong mỹ học.

CHƯƠNG 5. NGUYÊN TẮC CỦA MỸ HỌC KIẾN TRÚC

2. Hữu pháp- Vô pháp:

Pháp: quy luật, phép tắc, các thức chuẩn và thủ pháp của thẩm mỹ kt

Phép tắc trong mỹ học kt là một khái niệm mang tính trừu tượng. Đưa ra những chuẩn mực để khống chế các thủ pháp tìm tòi vẽ đẹp kt.

Chuẩn mực là sự ràng buộc ước định có tính quy phạm.

CHƯƠNG 5. NGUYÊN TẮC CỦA MỸ HỌC KIẾN TRÚC

2. Hữu pháp- Vô pháp:

Zevi kêu gọi xem tính đối xứng là cái u ác tính trong kt, tiến hành cắt bỏ giải thoát kt hiện đại khỏi “đối xứng, tỷ lệ, hài hòa” của chủ nghĩa cổ điển. Thay vào đó là quy tắc ngôn ngữ kt hiện đại.

“hình dáng phi hình học và hình thức tự do, chủ nghĩa phi đối xứng và phản song song”

Tuyệt nhiên không có quy luật mỹ học khô cứng nào đã hình thành thì không thể thay đổi.

CHƯƠNG 5. NGUYÊN TẮC CỦA MỸ HỌC KIẾN TRÚC

2. Hữu pháp- Vô pháp:

Ventury: pháp quy do con người tạo ra thì hạn chế, khi sự phát triển có mâu thuẫn với pháp quy, pháp quy cần nhanh chóng thay đổi hoặc phế bỏ. Khác thường và bất định trong kt là việc làm hữu hiệu.

CHƯƠNG 5. NGUYÊN TẮC CỦA MỸ HỌC KIẾN TRÚC

3. Chỗ ở hợp tình hợp lý:

- Căn cứ cơ sở lý tính
- Căn cứ cơ sở tình cảm

“Lý” hay lý tính là các yếu tố công năng, kinh tế, kỹ thuật, vật liệu, kết cấu v.v...

“Tình” thành phần phi lý tính của mối quan hệ giữa trạng thái tình cảm với công trình.

CHƯƠNG 5. NGUYÊN TẮC CỦA MỸ HỌC KIẾN TRÚC

3. Chỗ ở hợp tình hợp lý:

- “Lý” theo nghĩa hẹp thể hiện ở quy luật đẹp hình thức như đối xứng, cân bằng, tỷ lệ, kích thước, trật tự hài hòa được xây dựng trên nền tảng số học và hình học.
 - Lý phản ánh ở quy luật tạo hình kt
-

CHƯƠNG 5. NGUYÊN TẮC CỦA MỸ HỌC KIẾN TRÚC

3. Chỗ ở hợp tình hợp lý:

- “Tình” thể hiện qua hình tượng kiến trúc, dựa vào những thông tin tình cảm mà tri giác, liên tưởng, tưởng tượng.
 - Vd: cảm giác hoặc không trí trang trọng, nghiêm túc, thân thiết vui sướng, hào phóng cởi mở v.v...
-

CHƯƠNG 6. HÌNH THÁI CỦA MỸ HỌC KIẾN TRÚC

1. Đẹp tạo hình kiến trúc
 2. Đẹp không gian kiến trúc
 3. Đẹp môi trường kiến trúc
-

CHƯƠNG 6. HÌNH THÁI CỦA MỸ HỌC KIẾN TRÚC

1. Đẹp tạo hình kiến trúc:

Đẹp hình thể và đẹp mặt đứng của tạo hình kt

Đẹp trạng thái tĩnh và Đẹp trạng thái động của tạo hình kiến trúc

Đẹp trang trí ngoài và Đẹp tổ chất (tính chất vốn có) của tạo hình kiến trúc.

Kiến trúc là “một loại điêu khắc rộng”
(Bruno Zevi)

CHƯƠNG 6. HÌNH THÁI CỦA MỸ HỌC KIẾN TRÚC

1. Đẹp tạo hình kiến trúc:

Kiến trúc cổ điển làm cho mạnh mẽ và
chăm chú tập trung để trưng bày “vẻ
đẹp mặt đứng” của hình tượng kt.

Nghệ thuật kt hiện đại cố gắng tăng
cường hiệu quả thể tích của kt để tạo
thành mỹ cảm tính điêu khắc.

Vd: Nhà quốc hội Brazil.

CHƯƠNG 6. HÌNH THÁI CỦA MỸ HỌC KIẾN TRÚC

2. Đẹp không gian kiến trúc:

Không gian là vai trò chính của kt

Không gian là linh hồn của kt

Không gian là tinh túy của kt

Không gian là bản chất của kt

Không gian là cốt lõi của kt

Sự cách biệt to lớn giữa kt và hội họa điêu khắc là ở chỗ
phẩm cách không gian của nó.

Hội họa chỉ có không gian để miêu tả hình tượng
trên mp hai chiều

Điêu khắc tuy là ba chiều nhưng chỉ có không gian trang
điểm bên ngoài

Thơ ca và âm nhạc lại phải cậy nhờ vào sự liên tưởng của
con người để gợi mở ý tưởng không gian của mỹ cảm
thị giác.

CHƯƠNG 6. HÌNH THÁI CỦA MỸ HỌC KIẾN TRÚC

2. Đẹp không gian kiến trúc:

Kiến trúc không phải là chiếc thuyền cũng
không phải là đồ đựng (xem lý luận của
Lão Tử -189)

Kiến trúc chính là công trình, kt có quyền tồn
tại theo bản thân của nó. Sự tồn tại này
chính là tồn tại của không gian.

Không gian không những có giá trị thực dụng
mà còn có giá trị thẩm mỹ to lớn.

CHƯƠNG 6. HÌNH THÁI CỦA MỸ HỌC KIẾN TRÚC

2. Đẹp không gian kiến trúc:

Không gian không những giao cho kt công dụng “cư trú” khiến cho con người được lợi theo “công năng” của nó mà còn giao cho kt công dụng “đẹp” là cho con người được hưởng thụ hứng thú “thưởng thức” nó.

CHƯƠNG 6. HÌNH THÁI CỦA MỸ HỌC KIẾN TRÚC

3. Đẹp môi trường kt:

Việc thưởng thức nghệ thuật kt cũng giống như thưởng thức các loại nghệ thuật khác, phải nắm vững đặc tính hoàn chỉnh của cái Đẹp.

Phải nắm vững kết cấu thống nhất và hoàn chỉnh của sự vật (Rudolf Aeneas)

Kết cấu thống nhất và hoàn chỉnh này được hình thành trong quan hệ hoàn chỉnh của môi trường kt.

CHƯƠNG 6. HÌNH THÁI CỦA MỸ HỌC KIẾN TRÚC

3. Đẹp môi trường kt:

“Cá tính”, “đặc sắc”, “sinh động”, “tươi sáng”
của kt cần hòa nhập trong môi trường tổng
thể của kt.

Tôn chỉ của nghệ thuật môi trường kt: “cần tạo
ra môi trường kt màu sắc phong phú.

Kt còn được gọi là “người mẹ của nghệ thuật
môi trường”

Kiến trúc chủ thể giống như “giọng cao”,
“giọng thấp” trong âm nhạc, tạo ra thống
nhất và biến hóa.

CHƯƠNG 7. CƠ CHẾ MỸ HỌC KIẾN TRÚC

1. Tâm lý mỹ cảm kiến trúc
 2. Cầu nối thẩm mỹ kiến trúc
 3. Nghệ thuật kiến trúc và tri thị giác
-

CHƯƠNG 7. CƠ CHẾ MỸ HỌC KIẾN TRÚC

Hiệu ứng thẩm mỹ là kết quả của chủ thể thẩm mỹ và đối tượng thẩm mỹ.

□ Tâm lý mỹ cảm kiến trúc

“Đẹp không kể xiết” hoặc “đẹp không chịu được”

“Đẹp” là khách thể thưởng thức

“chịu được” nói đến chủ thể thưởng thức

Tâm lý mỹ cảm kiến trúc là hoạt động tâm lý đặc biệt khi con người thưởng thức vẻ đẹp kiến trúc.

CHƯƠNG 7. CƠ CHẾ MỸ HỌC KIẾN TRÚC

1. Tâm lý mỹ cảm kiến trúc

Thông tin của đẹp kiến trúc phát dẫn từ bản thân khách thể, nhưng sự tiếp nhận thông tin của đẹp kiến trúc – mỹ cảm dựa vào năng lực thẩm mỹ kiến trúc của chủ thể, dựa vào trình độ phản ánh và tình trạng phản ánh của khách thể kiến trúc.

Thường thức âm nhạc cần có “đôi tai âm nhạc”

Thường thức hội họa cần có “con mắt hội họa”

CHƯƠNG 7. CƠ CHẾ MỸ HỌC KIẾN TRÚC

1. Tâm lý mỹ cảm kiến trúc

Tính chất khoái cảm sinh lý của kiến trúc tuy không thể nhìn nhận chung với mỹ cảm nhưng thường can dự tuyệt vời vào trong cơ chế mỹ cảm, thậm chí trở thành một điều kiện bên ngoài không thể thiếu để sinh ra mỹ cảm kiến trúc.

“xem thấy tiện lợi thì bắt đầu khoái cảm vì rằng tiện lợi chính là một loại “Đẹp”

CHƯƠNG 7. CƠ CHẾ MỸ HỌC KIẾN TRÚC

1. Tâm lý mỹ cảm kiến trúc

Chỉ khi “hình thức” và “hình tượng” dẫn đến khoái cảm thị giác, hoặc chỉ khi con người đem hình thức kiến trúc và hình tượng kiến trúc làm đối tượng tham chiếu thẩm mỹ về tinh thần về nghệ thuật thì mỹ cảm kiến trúc mới thật sự sinh ra.

Thể hiện lớn nhất của mỹ cảm hình tượng này là sự mãn nguyện về tâm lý mà không phải là khoái lạc sinh lý.

CHƯƠNG 7. CƠ CHẾ MỸ HỌC KIẾN TRÚC

1. Tâm lý mỹ cảm kiến trúc:

Ba loại hình thái mỹ cảm:

- Mỹ cảm tính hình học trừu tượng
 - Mỹ cảm tính liên giác cảnh vật (sự kết hợp đồng thời của các giác quan trước giới tự nhiên)
 - Mỹ cảm tính loại suy nghệ thuật (so sánh, đối chiếu giữa các loại chủng loại với nhau)
-

CHƯƠNG 7. CƠ CHẾ MỸ HỌC KIẾN TRÚC

1. Tâm lý mỹ cảm kiến trúc:

Mỹ cảm tính hình học trừu tượng: phản ánh đặc trưng của điểm, đường, khối tích kiến trúc.

Mỹ cảm tính liên giác cảnh vật: phản ánh khả năng thích ứng nhanh của tâm lý mỹ cảm kiến trúc.

Chuyển từ vẻ đẹp tự nhiên mà liên tưởng đến vẻ đẹp nhân tạo kiến trúc.

Vd: kt của Gaudi, mái đình bay lên liên tưởng đến cánh chim.

Tuy nhiên liên tưởng không phải là mô phỏng tự nhiên mà là phản ánh những cảm xúc và ý tưởng nghệ thuật được nảy sinh khi con người đối mặt với tự nhiên.

CHƯƠNG 7. CƠ CHẾ MỸ HỌC KIẾN TRÚC

1. Tâm lý mỹ cảm kiến trúc:

Mỹ cảm tính loại suy nghệ thuật: chỉ mỹ cảm “tính âm nhạc”, “tính điêu khắc”, “tính hội họa” mà thẩm mỹ kiến trúc thể hiện ra.

Kc tỷ lệ, biến hóa hài hòa của hình tượng kt thể hiện tiết tấu vận luật của âm nhạc.

CHƯƠNG 7. CƠ CHẾ MỸ HỌC KIẾN TRÚC

2. Cầu nối thẩm mỹ kiến trúc:

Peaja : SATR

Đối tượng (S)

Phản ánh chủ thể (R)

Cầu nối của chủ thể với cùng cấu tạo nhận thức AT với khách thể

Hình tượng khách thể kiến trúc được chủ thể cảm tri mà trở thành biểu tượng cụ thể.

“Cảm tri”, “biểu tượng” chính là cầu nối thẩm mỹ kt.

CHƯƠNG 7. CƠ CHẾ MỸ HỌC KIẾN TRÚC

2. Cầu nối thẩm mỹ kiến trúc:

Tuy nhiên mỹ cảm kt cũng có tính trực quan và tính nhanh nhạy.

Vd: phản ứng của con người với Vạn Lý Trường Thành, tháp Eiffel.

Mỹ cảm trực quan kt: ngưng tụ thành biểu tượng.

Vẻ đẹp của Trường Thành ở chỗ "dài", Kim tự Tháp "To lớn", Eiffel "cao" tất cả đều là cảm thụ tính trực giác đối với một cá thể thẩm mỹ kt.

CHƯƠNG 7. CƠ CHẾ MỸ HỌC KIẾN TRÚC

2. Cầu nối thẩm mỹ kiến trúc:

Trong mỹ cảm tính trực giác kt luôn thể hiện những suy nghĩ và tìm tòi lý tính.

VD: Nghĩ về sức mạnh trí tuệ, sự tài hoa của con người

Sự phát sinh và phát triển của mỹ cảm kt phải dựa vào quan hệ tương hỗ giữa chủ thể và khách thể. Cầu nối thẩm mỹ là sợi dây gắn bó mối quan hệ giữa hai cái.

Thừa nhận tính chủ thể của cơ chế mỹ cảm lại là mấu chốt tồn tại của tư duy thẩm mỹ kt này.

CHƯƠNG 7. CƠ CHẾ MỸ HỌC KIẾN TRÚC

3. Nghệ thuật kt và tri thị giác:

Cơ chế mỹ cảm kt không thể xa rời sự dẫn dắt của cơ năng thị giác.

- Thị giác cảm: sự soi tỏ của thị giác đối với hiện tượng vận vật của vật tượng (hình dáng, trạng thái của vật chất)
- Thị tri giác: căn cứ chắc chắn của thị giác đối với sự nguyên vẹn, tổng hợp và có ý nghĩa bản chất của vật tượng.

Thị tri giác có công năng tổ chức chỉnh thể

Thị tri giác còn có công năng phân biệt tuyển chọn (chính, phụ; trước sau)

Vd: so sánh đường thẳng với đường cong, sự thay đổi sáng tối, màu sắc.

CHƯƠNG 8. KIẾN TRÚC LÀ NGHỆ THUẬT CỦA ĐẸP

1. Kiến trúc- thành viên trong Gia tộc Nghệ thuật
 2. Phẩm cách nghệ thuật của đẹp kiến trúc
 3. “Đẹp và xấu” của nghệ thuật kiến trúc
-

CHƯƠNG 8. KIẾN TRÚC LÀ NGHỆ THUẬT CỦA ĐẸP

Xicotor nói về giới hạn của kiến trúc:
“Khi thì quan hệ với khoa học, khi thì với nghệ thuật, khi thì với cuộc sống”

□ Kiến trúc- thành viên trong Gia tộc Nghệ thuật

Trong gia tộc nghệ thuật kiến trúc là thành viên hay thay đổi (du di bất dịch)

CHƯƠNG 8. KIẾN TRÚC LÀ NGHỆ THUẬT CỦA ĐẸP

Abe Bator chia ra hai loại nghệ thuật:

- Nghệ thuật của cái đẹp là loại nghệ thuật làm cho con người vui sướng: âm nhạc, thơ, hội họa, điêu khắc, vũ đạo
 - Nghệ thuật máy móc phục vụ cho mục đích thực dụng.
-

CHƯƠNG 8. KIẾN TRÚC LÀ NGHỆ THUẬT CỦA ĐẸP

Architecture có nguồn gốc từ tiếng Latin là Architectura, có nghĩa là công nghệ to lớn. Tất cả các loại công nghệ mà lại là vật thể không gian đều có thể gọi là kiến trúc.

Abe Bator cũng không phủ nhận mục đích của kiến trúc phục vụ để : "khiến con người vui sướng"

CHƯƠNG 8. KIẾN TRÚC LÀ NGHỆ THUẬT CỦA ĐẸP

Kiến trúc là loại hình nghệ thuật tự do nhất vì nó không phải mô tả, mô phỏng cái gì cả.

Kiến trúc cũng là loại hình nghệ thuật không tự do nhất và không thuần túy nhất do nó phải phục vụ các mục đích thích dụng cụ thể, chịu sự ràng buộc của các điều kiện kỹ thuật vật chất cụ thể.

CHƯƠNG 8. KIẾN TRÚC LÀ NGHỆ THUẬT CỦA ĐẸP

2. Phẩm cách nghệ thuật của đẹp kiến trúc

Phẩm cách thông thường: phản ánh xã hội, nhân sinh, tính hình tượng

Phẩm cách đặc biệt của nghệ thuật: phản ánh đặc biệt của hình tượng nghệ thuật với thế giới bên ngoài.

CHƯƠNG 8. KIẾN TRÚC LÀ NGHỆ THUẬT CỦA ĐẸP

2. Phẩm cách nghệ thuật của đẹp kiến trúc

Tính hình tượng: kết cấu hình thức đặc biệt của kiến trúc.

Đẹp hình tượng: đẹp hình thức và đẹp kết cấu.

Đẹp hình thức → đẹp nghệ thuật

Rodin “không một tác phẩm nghệ thuật nào chỉ dựa vào sự cân đối đều đặn của đường nét và màu sắc, tác phẩm chỉ vẹn vẹn thỏa mãn thị giác có thể cảm động lòng người”

CHƯƠNG 8. KIẾN TRÚC LÀ NGHỆ THUẬT CỦA ĐẸP

2. Phẩm cách nghệ thuật của đẹp kiến trúc

Đẹp nghệ thuật: dùng hình tượng nghệ thuật để thuyết minh cuộc sống đời thường, phản ánh hiện thực xã hội.

Kiến trúc là sinh hoạt xã hội được không gian hóa, văn hóa và lịch sử được đông kết, là vật dẫn tinh thần được vật chất hóa.

CHƯƠNG 8. KIẾN TRÚC LÀ NGHỆ THUẬT CỦA ĐẸP

2. Phẩm cách nghệ thuật của đẹp kiến trúc

Hegels: “Trong nghệ thuật không giống như trong triết học, nguyên liệu sáng tạo không phải là tư tưởng mà là hiện tượng bên ngoài của hiện thực”.

Kiến trúc lấy môi trường cụ thể để phản xạ hình ảnh cuộc sống và phản ánh rõ nét bản chất và quy luật cuộc sống.

CHƯƠNG 8. KIẾN TRÚC LÀ NGHỆ THUẬT CỦA ĐẸP

3.Đẹp và xấu của nghệ thuật kiến trúc:

Xấu làm nổi bật sự so sánh với Đẹp. Xấu ở bên cạnh Đẹp, dị dạng tựa vào tốt đẹp, thô tục nấp sau lưng cao cả, ác và thiện cùng trường tồn, đêm tối và ánh sáng cùng sống chung (Victor Hugo).

Lấy xấu làm nền cho đẹp, lấy đẹp tả xấu.

Vd: tháp nghiêng Piza, do nghiêng mà xấu, do nghiêng mà kỳ.

CHƯƠNG 8. KIẾN TRÚC LÀ NGHỆ THUẬT CỦA ĐẸP

3. Đẹp và xấu của nghệ thuật kiến trúc:

Xấu thể hiện tác dụng tăng lực đối với đẹp. "Sắc" là đặc sắc, nhuận sắc.

"Một trong những sự phát triển đáng quý là cảm giác hài hước của kiến trúc đã được khôi phục" (Stanly Abalon)

Lấy xấu làm nền nổi bật đẹp.

Vd: hình Juda trong "Bữa tiệc cuối cùng" của Leonardo da Vinci.

Nhà kỷ niệm quân Nhật xâm Hoa tàn sát ở Nam Kinh.

Đá cuội = tượng trưng cho xương trắng.

"thân cây khô héo"

Hoặc đài tưởng niệm chiến tranh Việt Nam ở Washington
